

ĐỌC SÁCH

QUAN HỆ TỘC NGƯỜI VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TRẦN KHÁNH HƯNG

Quan hệ tộc người và phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay là tập kỷ yếu từ ba cuộc Hội thảo về *Các dân tộc và quan hệ dân tộc trong quá trình phát triển ở ba vùng miền nước ta: Miền núi miền Bắc Việt Nam, Trường Sơn-Tây Nguyên-Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ* do Viện Nghiên cứu Phát triển TPHCM tổ chức. Tập kỷ yếu gồm 35 bài tham luận được sắp xếp theo từng nhóm chủ đề, bao gồm những vấn đề lý luận; những vấn đề chung và cụ thể về quan hệ tộc người và phát triển xã hội ở ba vùng dân tộc kể trên.

Về mặt lý luận, việc nghiên cứu mối quan hệ tộc người được xem là một nhiệm vụ mang tính chiến lược lẫn tính thời sự trong sự phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta. Việc nghiên cứu cần được đặt trọng tâm vào các vùng hỗn hợp dân cư dân tộc, những vùng, những tộc người có lịch sử phát triển đa dạng, phức tạp; cần xem đây là “hạt nhân cơ bản” để giải quyết vấn đề mối quan hệ tộc người (tr. 18-19). Các mối quan hệ tộc người cơ bản

cần được chú ý hiện nay gồm mối quan hệ giữa các tộc người ở nước ta với quốc gia, mối quan hệ giữa tộc người đa số và các tộc người thiểu số, mối quan hệ giữa các tộc người thiểu số, mối quan hệ nội tộc người (tr. 24-25, 49-50). Theo đó, mục tiêu quan trọng trong việc giải quyết quan hệ tộc người thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa là bảo đảm *bình đẳng dân tộc và đoàn kết dân tộc* (tr. 26, 35). Việc giải quyết mối quan hệ tộc người phải đi liền với chủ trương phát triển giáo dục, như phát triển mạng lưới trường lớp, nâng cao dân trí, đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số và quan tâm đến việc học tiếng nói, chữ viết các tộc người (tr. 52-55).

Đối với từng vùng dân tộc cụ thể, vấn đề quan hệ tộc người ở miền núi miền Bắc nước ta được chú ý ở hai khía cạnh. *Thứ nhất là*, quan hệ tộc người liên biên giới Việt-Trung ở vùng Đông Bắc hiện nay. Các quan hệ này vốn mang tính lịch sử, điển hình nhất là mối quan hệ huyết thống, quan hệ làm thuê và quan hệ hôn nhân (tr. 75-86). *Thứ hai là*, tác động của dự án tái định cư thủy điện Sơn La tới các tộc người vùng Tây Bắc. Những tác động này được khảo sát ở khía cạnh giao lưu và tiếp biến văn hóa của các tộc người trong vùng (tr. 91-102).

Ở vùng Trường Sơn-Tây Nguyên-Đông Nam Bộ, vấn đề quan hệ tộc người được

Trần Khánh Hưng. Nghiên cứu viên. Trung tâm Nghiên cứu Dân tộc học Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ.

Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. 2010. *Quan hệ tộc người và phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay*. Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

ghi nhận trên các phương diện: những biến đổi văn hóa của các tộc người, các nguy cơ tiềm ẩn của mối quan hệ tộc người trong vùng, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực người dân tộc thiểu số. Sự biến đổi văn hóa thông qua quá trình giao lưu văn hóa của các tộc người thiểu số trong thời gian qua được cho là diễn ra mạnh mẽ, nhất là giao lưu với người Việt. Sự giao lưu này xuất phát từ việc các tộc người sống đan xen nhau. Bên cạnh điểm tích cực là giúp các tộc người thiểu số có thể hội nhập vào sự phát triển chung của đất nước, hiện tượng giao lưu văn hóa cũng đặt ra nhiều lo ngại về vấn đề bảo tồn văn hóa truyền thống của các tộc người thiểu số trong vùng (tr. 127-146). Đặc biệt khi quá trình phát triển đô thị diễn ra nhanh chóng, những chuyển biến về văn hóa của các tộc người thiểu số cần được thảo luận và có cách ứng xử phù hợp hơn (tr. 147-159, 205-212). Riêng ở vùng Tây Nguyên, sự điều chỉnh chính sách quản lý và sử dụng đất đai; sự xuất hiện ngày càng nhiều người Việt ở vùng dân tộc thiểu số dẫn đến các tranh chấp về nguồn lợi cũng là chủ đề được quan tâm (tr. 103-126, 160-195). Về vấn đề đào tạo nguồn nhân lực, việc áp dụng các giải pháp để nâng cao trình độ học vấn và trình độ chuyên môn kỹ thuật cho người dân tộc thiểu số (tr. 198-199, 231-232) phải đi liền với kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực được đào tạo (tr. 233-237). Bên cạnh đó, hiện tượng tiếp xúc, giao lưu ngôn ngữ cũng là điểm đáng chú ý khi bàn về sự giao lưu văn hóa của các tộc người thiểu số, nhất là vùng Tây Nguyên – vùng địa lý tiêu biểu cho sự giao lưu ngôn ngữ và văn hóa. Trên cơ sở sự giao lưu này, chương trình đào tạo ở vùng

dân tộc phải bao gồm việc giáo dục song ngữ cho con em người dân tộc thiểu số, từ đó giúp đào tạo một đội ngũ những người có trình độ phục vụ quá trình phát triển đất nước (tr. 213-228).

Ở Tây Nam Bộ, lịch sử khai thác, phát triển kinh tế của vùng cho thấy rằng văn hóa vùng có tác động sâu sắc đến sự phát triển kinh tế-xã hội. Văn hóa vùng Đồng bằng sông Cửu Long là một phức thể văn hóa nông nghiệp (lúa nước-miệt vườn,...). Yếu tố “sông nước” của vùng đã tạo cho người Việt tại đây một “tư duy sông nước” qua việc hình thành một hệ thống biểu tượng gắn với sông nước (tr. 249-251). Sự chung sống hòa bình, cùng nhau chế ngự thiên nhiên và chiến đấu với kẻ thù xâm lược của người Việt, Hoa, Khmer, Chăm đã hình thành nên đặc thù văn hóa của các tộc người này ở vùng đất mới. Quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa trên cơ sở kinh tế hàng hóa sớm phát triển đã tạo nên những biến đổi, những nhân tố mới bên cạnh văn hóa truyền thống của từng tộc người (tr. 249). Sự giao tiếp này tạo nên những yếu tố đồng nhất về phương diện vật chất như nhà ở, trang phục, ăn uống giữa các tộc người. Quá trình giao tiếp diễn ra không chỉ một chiều mà còn là “giao tiếp văn hóa đôi” (double acculturation), tức là sự giao tiếp văn hóa theo hai chiều của hai tộc người. Hiện tượng này diễn ra chủ yếu ở người Việt, Khmer và Hoa (tr. 351-363). Bên cạnh đó, sự hỗn dung văn hóa giữa các tộc người trong các cộng đồng đa tộc người vùng Tây Nam Bộ cũng là một đặc điểm riêng biệt. Thông qua mối quan hệ hôn nhân giữa các tộc người, sự hỗn dung văn hóa ở đây diễn ra trên phạm vi hộ gia đình lẫn

phạm vi cộng đồng, biểu hiện qua sự tham gia thực hành nghi lễ trong gia đình hỗn hợp tộc người, tham dự các lễ hội truyền thống trong cộng đồng đa tộc người; việc sử dụng song ngữ hay tam ngữ (tr. 364-376). Bên cạnh văn hóa vùng, văn hóa tộc người cũng là yếu tố tác động đến sự phát triển kinh tế-xã hội của mỗi cộng đồng tộc người. Đối với người Khmer, việc sản xuất nông nghiệp, hoạt động kinh tế của họ thường được đánh giá là ít hiệu quả. Nguyên nhân là do hạn chế từ trình độ dân trí, ảnh hưởng của phong tục tập quán và tư tưởng Phật giáo Theravada, ít được tiếp cận vốn từ mạng lưới chính thức của nhà nước (tr. 257-264, 291-297, 298-304). Đối với người Chăm Islam ở Tây Nam Bộ nói riêng và Nam Bộ nói chung, tỷ lệ lao động trong lĩnh vực buôn bán dịch vụ chiếm đa số. Hoạt động buôn bán dạo được xem là một tập quán kinh tế đặc thù và yếu tố tôn giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc hình thành tập quán này (tr. 305-310). Còn đối với người Hoa, do có ưu thế trong các ngành thương mại, dịch vụ, giao thông vận tải, thường sống ở những thành phố, thị xã, thị trấn nên họ nhanh chóng chiếm lĩnh một số ngành nghề sản xuất của miền Nam, nhất là vào thập niên 1970. Ưu thế này một phần xuất phát từ tâm lý kinh tế truyền thống giữ chữ tín, tập trung theo bang hội, đoàn kết hỗ trợ nhau cùng phát triển,... (tr. 264-265). Về quan hệ tộc người, hai vấn đề được lưu tâm là mối quan hệ xuyên biên giới của người Chăm Islam Nam Bộ với khu vực và mối tương

quan giữa cơ chế quản lý xã hội truyền thống của người Khmer với việc thực hiện dân chủ cơ sở ở nông thôn Khmer Nam Bộ. Về quan hệ của người Chăm Islam Nam Bộ với các nước trong khu vực, cơ sở của mối quan hệ này được cho là bắt nguồn từ quan hệ huyết thống, dòng tộc (như với cộng đồng Islam Campuchia), hoặc do cùng tôn giáo hòa lẫn với quan hệ dòng tộc (như với cộng đồng Islam Malaysia) hoặc do giao thiệp từ trước (Patani cũ, Thái Lan). Trong đó mối quan hệ với tín đồ Islam thuộc nhóm Malaysia-Đa Đảo là thường xuyên và gắn bó nhất (tr. 311-333). Đối với người Khmer ở vùng nông thôn Nam Bộ, việc thực hiện dân chủ cơ sở còn hạn chế. Trong khi đó, cơ chế quản lý xã hội truyền thống vẫn còn giữ vị trí và vai trò quan trọng trong đời sống xã hội nông thôn Khmer hiện nay. Do đó, cần có sự dung hợp của cơ chế hiện hành với cơ chế quản lý xã hội truyền thống của nông dân Khmer Nam Bộ để thúc đẩy quá trình thực hiện dân chủ cơ sở (tr. 338-350).

Với lượng thông tin phong phú cùng những phân tích sâu sắc về quan hệ tộc người được tóm lược trên đây, tập kỷ yếu mang đến cái nhìn bao quát, nhiều khía cạnh về tình hình quan hệ tộc người và những tác động của nó đến sự phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay. Tập kỷ yếu sẽ là tài liệu tham khảo có giá trị cho các nhà nghiên cứu có quan tâm đến chủ đề quan hệ tộc người nói riêng và các vấn đề tộc người nói chung. □